

文號：4413/CT-CS
關於增值稅政策

河內，2026年6月30日

敬呈：西寧省稅務局

稅務局已收到西寧省稅務局於2026年5月15日簽發之第4854/TNI-KTr2號公文，內容涉及增值稅政策。就此問題，稅務局意見如下：

《第48/2024/QH15號增值稅法》第15條第1款規定出口活動之增值稅退稅。

《海關法》第29條第1款規定海關申報。

2025年7月1日第181/2025/NĐ-CP號議定第29條第1款規定出口活動之退稅。

2015年1月21日第08/2015/NĐ-CP號議定第25條第3款，經政府於2018年4月20日發布之第59/2018/NĐ-CP號議定第1條第12款修正、補充，規定海關申報。

財政部部長於2015年3月25日發布之第38/2015/TT-BTC號通知第18條第1款，經2018年4月20日第39/2018/TT-BTC號通知第1條第7款修正、補充。

根據財政部部長於2015年3月25日發布之第38/2015/TT-BTC號通知所附附件二第2項第1號表及第2號表（該附件已由財政部部長於2018年4月20日發布之第39/2018/TT-BTC號通知所附附件一取代）關於出口、進口報關單申報資訊指標之規定，進口人／出口人應依據相關卷宗資料及該批貨物之進出口目的，按照海關總局（現為海關局）之指引，在報關單之類型代碼欄位中選擇相應之進口／出口類型。

根據海關總局（現為海關局）於2021年5月18日發布之第1357/QĐ-TCHQ號決定，該決定係關於頒布出口、進口類型代碼表及其使用指引。

根據西寧省稅務局2026年5月15日第4854/TNI號公文所載內容及隨函檢附之資料，Suliman紡織成衣有限責任公司於貨物進口報關單中按A12類型代碼（進口經營類型）申報，並於貨物出口報關單中按B11類型代碼（出口經營類型）申報。該公司未於出口報關單及進口報關單之「貨物描述」申報項目中填報出口產品代碼以及進口原料、物資代碼。據此，該公司係按照進口經營及出口經營類型進行申報並辦理海關手續，並未就上述各批貨物按照出口生產貨物類型辦理海關手續。因此，尚無依據認定該公司之出口貨物屬於《第48/2024/QH15號增值稅法》第15條第1款a項及《第181/2025/NĐ-CP號議定》第29條第1款所規定之出口貨物增值稅退稅適用對象。

稅務局特此函復，請西寧省稅務局知悉。



收件單位：

- 如上；
- 鄧玉明副局長（供報告）；
- 海關局、稅收政策局、法制司；
- 法制處；
- 稅務局網站；
- 存檔：文書、政策。

依局長命
代政策與國際稅務處處長
副處長

Phạm Thị Minh Hiền

~ 越南台灣商會聯合總會 投資經營委員會翻譯 謹供參考~



越南台灣商會聯合總會
投資經營委員會

孔祥平 主委 聯絡方式：

熱線：+84 933 341 688 微信：everwinservice LINE：everwin888

**BỘ TÀI CHÍNH
CỤC THUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4413/CT-CS

V/v chính sách thuế giá trị gia tăng

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2026

Kính gửi: Thuế tỉnh Tây Ninh.

Cục Thuế nhận được công văn số 4854/TNI-KTr2 ngày 15/5/2026 của Thuế tỉnh Tây Ninh về chính sách thuế giá trị gia tăng (GTGT). Về vấn đề này, Cục Thuế có ý kiến như sau:

Tại khoản 1 Điều 15 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 quy định về hoàn thuế GTGT đối với xuất khẩu.

Tại khoản 1 Điều 29 Luật Hải quan quy định về khai hải quan.

Tại khoản 1 Điều 29 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định về hoàn thuế đối với xuất khẩu.

Tại khoản 3 Điều 25 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ quy định về khai hải quan.

Tại khoản 1 Điều 18 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Căn cứ mẫu số 1 và mẫu số 2 mục 2 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 được thay thế bởi Phụ lục I ban hành kèm Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu thông tin khai báo đối với tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu thì tại chỉ tiêu mã loại hình trên tờ khai người nhập khẩu/người xuất khẩu theo hồ sơ, mục đích nhập khẩu của lô hàng để chọn một trong các loại hình nhập khẩu/xuất khẩu theo hướng dẫn của Tổng cục Hải quan (nay là Cục Hải quan).

Căn cứ Quyết định số 1357/QĐ-TCHQ ngày 18/5/2021 của Tổng cục Hải quan (nay là Cục Hải quan) về việc ban hành bảng mã loại hình xuất khẩu, nhập khẩu và hướng dẫn sử dụng.

Theo nội dung công văn số 4854/TNI ngày 15/5/2026 của Thuế tỉnh Tây Ninh và hồ sơ gửi kèm, Công ty TNHH Dệt may Suliman kê khai trên các tờ khai nhập khẩu hàng hóa theo mã loại hình A12 (nhập kinh doanh) và xuất khẩu hàng hóa theo mã loại hình B11 (xuất kinh doanh). Công ty không khai mã sản phẩm xuất khẩu, mã nguyên liệu, vật tư nhập khẩu tại chỉ tiêu mô tả hàng hóa trên tờ khai xuất khẩu, tờ khai nhập khẩu, như vậy Công ty đã kê khai, thực hiện thủ tục hải quan theo loại hình nhập kinh doanh và xuất kinh doanh, không thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa sản xuất xuất khẩu đối với các lô hàng này. Do đó, không có căn cứ xác định hàng hóa xuất khẩu của Công ty thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT đối với xuất khẩu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 và khoản 1 Điều 29 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP.

Cục Thuế trả lời để Thuế tỉnh Tây Ninh biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó CT Đặng Ngọc Minh (đề b/c);
- Cục Hải Quan, Cục CST, Vụ PC;
- Ban PC;
- Website CT;
- Lưu: VT, CS.

**TL. CỤC TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG BAN CHÍNH SÁCH,
THUẾ QUỐC TẾ
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Phạm Thị Minh Hiền